TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH P**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

H, ngày 18 tháng 7 năm 2024.

Số: 79/2024/QĐST- HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 114/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Lê Ngọc L**, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Xóm X, xã K, huyện Y, tỉnh N.

- Bị đơn: Chị **Lê Thị Thu H2**, sinh năm 2000;

Địa chỉ: Khu 1, xã H1, huyện H, tỉnh P.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Lê Ngọc L và chị Lê Thị Thu H2.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

***** Về con chung: Anh L, chị H2 xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Thị Trà M, sinh ngày 05/9/2019 và cháu Lê Thành Đ, sinh ngày 15/10/2020. Ly hôn, anh L và chị H2 thỏa thuận: Anh L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thành Đ; chị H2 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thị Trà M kể từ tháng 7 năm 2024 cho đến khi

các cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh L, chị H2 có quyền và nghĩa vụ trông nom, thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

***** Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay chung và công sức đóng góp**:**

Anh L, chị H2 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Toà án không đặt ra giải quyết.

* Về án phí: Anh L nhận nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên L thu tiền số: BLTU/2023/0002995 ngày 29/5/2024 của Chi cục THADS huyện H, tỉnh P. Hoàn trả lại cho anh L 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H;
- UBND xã K – Y;
- CCTHSDS huyện H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Tô Mạnh Tiến